TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/KDTM-ST
Ngày: 05-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Thanh Thu

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa****:* Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 63/2024/TLST-KDTM- ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2025/QĐXXST-KDTM ngày 20/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2025/QĐST-KDTM ngày 07/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V

Trụ sở: 89 L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Võ Thanh T (vắng mặt)
2. Ông Lê Vĩ Đ (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng 1, tòa nhà A, 96 đường C, Phường B, Tp.Hồ Chí Minh

(Theo Văn bản ủy quyền số 82415/2024/UQ-PGĐ ngày 15/8/2024)

Bị đơn: Công ty P

Trụ sở: 38/5G đường N, (ấp Đông 1, xã T, huyện H cũ), ấp 76, xã H, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh P- Giám đốc (vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: 38/5G đường N, (ấp Đông 1, xã T, huyện H cũ), ấp 76, xã H, Tp. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Minh P, sinh năm 1979 (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Hoàng T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: 38/5G đường N (ấp Đông 1, xã T, huyện H cũ), ấp 76, xã H, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng V có ông Lê Vĩ Đ trình bày:

Công ty P đã vay vốn tại Ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/21362 ngày 10/06/2021, số tiền cho vay là: 800,000,000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng), thời hạn cho vay: 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động gia công sản xuất hàng may mặc. Ngân hàng V đã giải ngân số tiền vay theo khế ước nhận nợ sau: Khế ước nhận nợ số: H09/21362-01 ngày 10/06/2021 (Mã hợp đồng: LD22116101508), số tiền nhận nợ là: 800,000,000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng), thời hạn cho vay là 5 tháng (tính từ ngày tiếp theo ngày 10/06/2021 đến ngày 10/11/2021), lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 20,70%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần theo quy định của Ngân hàng V từng thời kỳ, ngày quá hạn: 10/11/2021. Kèm thêm Phụ lục Hợp đồng số 01 được ký ngày 10/11/2021, theo Hợp đồng cho vay số: H09/21362 ngày 10/06/2021 và Khế ước nhận nợ số H09/21362-01 ngày 10/06/2021, cơ cấu lại thời hạn trả nợ từ ngày 10/11/2021 đến ngày 10/03/2022.

2. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN không có tài sản đảm bảo ngày 14/6/2021 với hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị: 200,000,000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng); thời hạn hạn mức tín dụng: 60 tháng; lãi suất trong hạn áp dụng là 32%/năm, lãi suất tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Điều kiện Giao Dịch Chung về phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) được công bố trên website: http://www.vpbank.com.vn.

Các khoản tín dụng cấp cho Công ty P không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm. Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên được bảo lãnh vô điều kiện,

không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Võ Minh P, bà Lê Thị Hoàng T theo các hợp đồng bảo lãnh số: Hợp đồng bảo lãnh số H09/21362/HDBL.01 ngày 10/06/2021, Hợp đồng bảo lãnh số H09/21362/HDBL.02 ngày 10/06/2021.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng V đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty P, ông Võ Minh P, bà Lê Thị Hoàng T để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty P, ông Võ Minh P, bà Lê Thị Hoàng T cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Khoản nợ theo hợp đồng cho vay số H09/21362 ngày 10/06/2021 của Công ty P chuyển quá hạn từ ngày 11/3/2022, khoản nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN không có tài sản đảm bảo ngày 14/6/2021 chuyển quá hạn từ ngày 31/03/2024 và phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty P phải trả ngay một lần cho Ngân hàng V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 05/9/2025 là:

Nợ gốc	:	798,295,254 đồng
Lãi trong hạn	:	13,411,444 đồng
Lãi quá hạn	:	409,486,294 đồng
Lãi chậm trả	:	4,684,145 đồng
Nợ gốc thẻ tín dụng	:	198,939,553 đồng
Nợ lãi thẻ tín dụng	:	115,137,623 đồng
Tổng cộng	:	1,539,951,313 đồng

(Một tỷ, năm trăm ba mươi chín triệu, chín trăm năm mươi mốt ngàn, ba trăm mười ba đồng), trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Ngoài ra Công ty P vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 06/9/2025 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21362 ngày 10/6/2021, Khế ước nhận nợ Lần 1 số H09/21362-01 ngày 10/6/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 14/6/2021 đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V.

3. Trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì:

- Tuyên buộc ông Võ Minh P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số H09/21362/HDBL.01 ngày 10/6/2021.

- Tuyên buộc bà Lê Thị Hoàng T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số H09/21362/HDBL.02 ngày 10/6/2021.

Bị đơn Công ty P vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh P và bà Lê Thị Hoàng T vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn có trụ sở tại địa chỉ 38/5G đường N (ấp Đông 1, xã T, huyện H cũ), ấp 76, xã H, Tp. Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn Công ty P vắng mặt không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh P và bà Lê Thị Hoàng T đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Trong quá trình tố tụng, do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3.2] Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/21362 ngày 10/06/2021, Khế ước nhận nợ số: H09/21362-01 ngày 10/06/2021 (Mã hợp đồng: LD22116101508) và các tài liệu khác do Ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định: Vào ngày 10/6/2021, Ngân hàng V cho Công ty P vay số tiền là:

800,000,000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng), thời hạn cho vay: 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động gia công sản xuất hàng may mặc. Ngân hàng V đã giải ngân số tiền 800,000,000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng), thời hạn cho vay là 5 tháng (tính từ ngày tiếp theo ngày 10/06/2021 đến ngày 10/11/2021), lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 20,70%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần theo quy định của Ngân hàng V từng thời kỳ. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/7/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Hộ sở chính Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 05 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 15%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Bên vay trả hết toàn bộ số nợ gốc một lần vào ngày 10/11/2021, lãi cho Ngân hàng V theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/7/2021, tổng cộng 05 kỳ, ngày quá hạn: 10/11/2021. Theo Phụ lục Hợp đồng số 01 được ký ngày 10/11/2021, Công ty P được cơ cấu lại thời hạn trả nợ từ ngày 10/11/2021 đến ngày 10/03/2022. Công ty P đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền là 436,866,761 đồng (Trong đó: 1,704,746 đồng tiền gốc; 435,162,015 đồng tiền lãi). Đến ngày 11/3/2022 Công ty P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản nợ bị quá hạn từ ngày 11/3/2022. Công ty P còn nợ số tiền tính đến ngày 05/9/2025 là 1,539,951,313 đồng (Trong đó: 798,295,254 đồng tiền gốc, lãi trong hạn: 13,411,444 đồng, lãi quá hạn: 409,486,294 đồng, lãi chậm trả: 4,684,145 đồng). Như vậy, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 2, Điều 6 Hợp đồng cho vay hạn mức số: H09/21362 ngày 10/06/2021, Điều 1 Khế ước nhận nợ lần: H09/21362-01 ngày 10/06/2021 và Điều 1 Phụ lục Hợp đồng số 01 được ký ngày 10/11/2021, nên phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như thỏa thuận.

[3.3] Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN không có tài sản đảm bảo ngày 14/6/2021, hạn mức tín dụng thẻ 200,000,000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng); thời hạn hạn mức tín dụng: 60 tháng; lãi suất trong hạn áp dụng là 32%/năm; lãi suất thẻ tín dụng sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định của Ngân hàng V từng thời kỳ, kể từ ngày 14/6/2021 lãi suất cho vay trong hạn được áp dụng là 32%/năm (Theo Quyết định số 337/2021/QĐ-TGĐ ngày 22/5/2021). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, tổng dư nợ phát sinh trong kỳ là 6,472,391,120 đồng, Công ty P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6,274,082,367 đồng. Do Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 9 của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 14/6/2021), ngày 31/3/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của công

ty H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 09/5/2025 Công ty P còn nợ 314,077,176 đồng (Trong đó: 198,939,553 đồng tiền gốc, lãi: 115,137,623 đồng).

Từ [3.1] [3.2] và [3.3], căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc Công ty P trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày tạm tính đến hết ngày 09/5/2025 là: Nợ gốc: 798,295,254 đồng; Lãi trong hạn: 13,411,444 đồng; Lãi quá hạn: 409,486,294 đồng; Lãi chậm trả: 4,684,145 đồng; Nợ gốc thẻ tín dụng:198,939,553 đồng; Nợ lãi thẻ tín dụng: 115,137,623 đồng;Tổng cộng : 1,539,951,313 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21362 ngày 10/6/2021, Khế ước nhận nợ Lần 1 số H09/21362-01 ngày 10/6/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 14/6/2021 cho đến khi thanh toán xong.

[4] Về trách nhiệm của người bảo lãnh:

Hợp đồng bảo lãnh số: H09/21362/HDBL.01 ngày 10/06/2021 và Hợp đồng bảo lãnh số: H09/21362/HDBL.02 ngày 10/06/2021 được ký giữa bên bảo lãnh là ông Võ Minh P và bà Lê Thị Hoàng T, bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng V. Căn cứ quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng bảo lãnh thì ông Võ Minh P và bà Lê Thị Hoàng T đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty P trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21362 ngày 10/6/2021, Khế ước nhận nợ Lần 1 số H09/21362-01 ngày 10/6/2021 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác được ký giữa Công ty P và Ngân hàng V. Vì vậy, căn cứ nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng bảo lãnh, Điều 339, Điều 342 Bộ luật dân sự, trong trường hợp Công ty P không thực thiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như trên thì ông Võ Minh P và bà Lê Thị Hoàng T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 58,198,539 đồng, Công ty P phải chịu. Trả lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 339, Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc Công ty P trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 05/9/2025 là 1,539,951,313 đồng (Một tỷ, năm trăm ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi mốt ngàn ba trăm mười ba đồng), bao gồm: Nợ gốc: 798,295,254 đồng; Lãi trong hạn: 13,411,444 đồng; Lãi quá hạn: 409,486,294 đồng; Lãi chậm trả: 4,684,145 đồng; Nợ gốc thẻ tín dụng:198,939,553 đồng; Nợ lãi thẻ tín dụng: 115,137,623 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay hạn mức số H09/21362 ngày 10/6/2021, Khế ước nhận nợ Lần 1 số H09/21362-01 ngày 10/6/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN ngày 14/6/2021 cho đến khi thanh toán xong.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty P không thực thiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như trên, ông Võ Minh P và bà Lê Thị Hoàng T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số: H09/21362/HDBL.01 ngày 10/06/2021 và Hợp đồng bảo lãnh số: H09/21362/HDBL.02 ngày 10/06/2021.

2/Án phí:

Công ty P phải chịu án phí sơ thẩm là 58,198,539 đồng (năm mươi tám triệu một trăm chín mươi tám ngàn năm trăm ba mươi chín) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí là 23,299,629 (hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm hai mươi chín) đồng, theo biên

lai thu số 0016851 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV8-TP.HCM;
- Phòng THADS KV8-TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quỳnh Mai Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Quỳnh Mai Trinh